

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÍ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3800100464 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/07/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 08/08/2019)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ ĐẠI CHỨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

Địa chỉ: Quốc lộ 14, tổ 8, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: (0271) 3640 502

Fax: (0271) 3667 260

Website: www.caosusongbe.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TP.HCM

Địa chỉ: Lầu 1 và Lầu 7, Tòa nhà Green Star, 70 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 38 200 751 Fax: (028) 38 200 771

Website: www.vCBS.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Huỳnh Quang Vĩnh**

Số điện thoại: 0913 880 074

Chức vụ: **Kế toán trưởng công ty**

Fax: 0271 3667 260

Chơn Thành, năm 2020

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
1.1 Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch	6
1.2 Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch.....	8
1.3 Quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.4 Quá trình điều chỉnh vốn của Công ty	11
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	11
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	13
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	13
3.1. Cơ cấu cổ đông.....	14
3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	14
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty	14
4.1 Danh sách công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.....	14
4.2 Danh sách công ty con và những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	14
4.3 Danh sách công ty liên doanh, liên kết	14
5. Hoạt động kinh doanh	15
5.1 Sản phẩm kinh doanh chính	15
5.2 Nguyên vật liệu	16
5.3 Thị trường của Công ty	16
5.4 Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17
5.5 Cơ cấu lợi nhuận gộp	17
5.6 Chi phí hoạt động kinh doanh	18
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	19
6.1 Hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	19
6.2 Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong thời gian qua.....	21
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	22
7.1 Vị thế của Công ty trong ngành	23

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

7.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	23
7.3	Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty	25
8.	Chính sách đối với người lao động	25
8.1	Số lượng người lao động trong công ty	25
8.2	Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng.....	26
9.	Tình hình tài chính	27
9.1	Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ	27
9.2	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	28
9.3	Các khoản phải nộp theo luật định.....	28
9.4	Trích lập các quỹ theo luật định.....	29
9.5	Tổng dư nợ vay	29
9.6	Tình hình công nợ	30
10.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	37
11.	Tài sản thuộc sở hữu của Công ty	38
12.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	46
12.1.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	46
12.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	46
13.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng.....	48
14.	Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty	48
15.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	49
II.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT.....	50
III.	PHỤ LỤC.....	62

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1:	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 13/05/2020	13
Bảng 2:	Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/05/2020.....	14
Bảng 3:	Chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm mù SVR 3L do Công ty sản xuất.....	16
Bảng 4:	Sản lượng mù từ năm 2016 đến năm 2019.....	16
Bảng 5:	Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động của Công ty.....	17
Bảng 6:	Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	18
Bảng 7:	Chi phí hoạt động chính	18
Bảng 8:	Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh.....	19
Bảng 9:	Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2019.....	25
Bảng 10:	Mức lương bình quân qua các năm	26
Bảng 11:	Tỷ lệ chi trả cổ tức.....	27
Bảng 12:	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28
Bảng 13:	Số dư các quỹ của Công ty	29
Bảng 14:	Số dư nợ vay.....	29
Bảng 15:	Các khoản phải thu	30
Bảng 16:	Các khoản phải trả.....	33
Bảng 17:	Số dư các Khoản đầu tư tài chính.....	36
Bảng 18:	Danh sách các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.....	36
Bảng 19:	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	37
Bảng 20:	Giá trị TSCĐ chủ yếu tại ngày 31/12/2019 và 30/06/2020	38
Bảng 21:	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty	38
Bảng 22:	Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng tại thời điểm 31/12/2019 40	
Bảng 23:	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	46
Bảng 24:	Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, BKS.....	50

CÁC KHÁI NIỆM

BKS	:	Ban kiểm soát
BCTC	:	Báo cáo tài chính
Công ty	:	Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
Soruco	:	Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
CNĐKDN	:	Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CTCP	:	Công ty Cổ phần
DTT	:	Doanh thu thuần
ĐVT	:	Đơn vị tính
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKĐC	:	Đăng ký đại chúng
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	:	Tài sản cố định
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
VCBS	:	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

Tên tiếng Anh : SONG BE RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SORUCO

Vốn điều lệ đăng ký: **813.961.920.000** đồng (Tám trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)

Vốn điều lệ thực góp: **813.961.920.000** đồng (Tám trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đông Dân** – Tổng Giám đốc

Trụ sở chính : Quốc lộ 14, Tờ 8, Ấp 3, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : (0271) 3667249

Fax : (0271) 3667260

Website : www.caosusongbe.vn

Logo :



Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 23 tháng 04 năm 2019

❖ Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100464 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/08/2019 và Điều lệ công ty được sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 25/11/2019, các ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.</i>	5210
2	Đại lý du lịch	7911
3	Điều hành tua du lịch	7912
4	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
5	Sản xuất điện	3511

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Tên ngành	Mã ngành
6	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại <i>Chi tiết: Xử lý rác thải, vệ sinh môi trường</i>	3821
7	Thu gom rác thải không độc hại	3811
8	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
9	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình đường bộ	4212
13	Xây dựng công trình điện	4221
14	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp</i>	4299
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
19	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
20	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
21	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan</i>	4661
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.</i>	4933
24	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất, chất dẻo dạng nguyên sinh, tơ, xơ, sợi dệt, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.</i>	4669
26	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn <i>Chi tiết: Chăn nuôi lợn.</i>	0145
27	Chăn nuôi gia cầm <i>Chi tiết: Chăn nuôi gà.</i>	0146
28	Trồng cây cao su	0125 (Chính)
29	Trồng cây hàng năm khác	0119

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Tên ngành	Mã ngành
30	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
31	Trồng cây lâu năm khác	0129
32	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

❖ **Địa bàn kinh doanh:** Công ty có 04 Nông trường quản lý tổng diện tích là 4.982,34 ha (trong đó: diện tích cao su 4.719,72 ha và diện tích rừng trồng và rừng tự nhiên 262,62ha), 02 Nhà máy Chế biến mủ, 06 phòng nghiệp vụ hoạt động trên địa bàn 06 huyện: Huyện Chơn Thành, huyện Bù Đốp, huyện Bù Đăng, huyện Lộc Ninh, huyện Đồng Phú, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.2 Giới thiệu về Chứng khoán đăng ký giao dịch

Tên chứng khoán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
Loại chứng khoán	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	:	SBR
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch	:	81.392.192 cổ phiếu
Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyên nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch	:	1.537.596 cổ phiếu (tương ứng chiếm 1,89% vốn điều lệ)

S T T	Đối tượng	Số lượng CP HCCN tương ứng	Tỷ lệ %	Chính sách	Thời gian liên quan
1	Cán bộ công nhân viên	1.437.596	1,77%	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi tại Điểm a Khoản 1 Điều 42 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP. Người lao động mua thêm cổ phần theo cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp tại Điểm a Khoản 2 Điều 42 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP. 	<ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 03 năm kể từ thời điểm Người lao động nộp tiền mua cổ phần ưu đãi (ngày 17/12/2018). Tối đa 10 năm kể từ ngày Soruco được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển sang hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần (ngày 03/01/2019) theo thời gian cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp của người lao động.
2	Công Đoàn	100.000	0,12%	Cổ phần bán cho tổ chức	03 năm kể từ thời

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Công ty		công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa tại Điểm b Khoản 2 Điều 33 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP.	điểm Soruco chuyển sang công ty cổ phần (ngày 03/01/2019).
---------	--	---	--

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài hiện nay của Công ty là 0%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/05/2020, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 4.000 cổ phần (tương ứng chiếm 0,005% vốn điều lệ).

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé tiền thân là Công ty Cao su Sông Bé là doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc UBND tỉnh Sông Bé. Từ những buổi đầu thành lập, Công ty được bố trí ở khu vực Bầu Bàng, sau đó chuyển vào khu vực Nha Bích rồi Công ty sáp nhập thêm Nông trường Quốc doanh Nha Bích và xây dựng cơ sở cố định ở khu vực hiện nay.

Vào những năm 1980, Công ty được hình thành từ nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Sông Bé (cũ) lần thứ III, xuất phát từ ý tưởng xây dựng một Công ty cao su của tỉnh nhằm phát triển ngành cao su và góp phần phát triển kinh tế của tỉnh. Trên cơ sở đó, Công ty chính thức được thành lập theo Quyết định số 697/QĐ-UB ngày 16/6/1983 của UBND tỉnh Sông Bé (cũ).

Năm 1997, tỉnh Sông Bé cũ được tách ra thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Do vị trí địa lý, Công ty trở thành đơn vị kinh tế trực thuộc tỉnh Bình Phước. Được sự quan tâm của Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong việc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty, tháng 6 năm 1998, Lâm Trường Phú Thành được sáp nhập vào Công ty Cao su Sông Bé theo quyết định số 1343/QĐ-UB ngày 05/06/1998 của UBND tỉnh Bình Phước với tổng diện tích là 7.896,95 ha, bao gồm rừng trồng, rừng khoanh nuôi và đất giao khoán cho nhân dân sản xuất nông lâm nghiệp.

Tháng 05/2008 thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bình Phước, Công ty Cao su Sông Bé được chia tách thành Công ty Cao su Sông Bé và Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước trực thuộc Tỉnh ủy. Tại thời điểm chia tách, Công ty đã chuyển giao một cho Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước 2.789,7 ha cao su với số vốn đầu tư vườn cây cao su tại thời điểm chuyển giao 102.903 triệu đồng, số lao động chuyển giao 360 người. Vốn điều lệ của Công ty Cao su Sông Bé tại thời điểm chuyển giao là: 24.157.419.463 đồng.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Ngày 01/07/2010, UBND tỉnh Bình Phước ra Quyết định số 1492/QĐ-UBND chuyển đổi Công ty Cao su Sông Bé thành Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé với vốn điều lệ là 129.432.440.509 đồng.

Trải qua quãng thời gian xây dựng và phát triển trong gian khó, đặc biệt trong giai đoạn bao cấp, khả năng tài trợ vốn cho dự án rất khó khăn, Công ty phải xoay sở và đi gõ nhiều cửa như: liên kết kinh tế với Tổng Công ty Cao su Việt Nam, vay các đơn vị bạn trong tỉnh, thậm chí có lúc phải vay từ cán bộ, công nhân viên chức trong Công ty và bạn bè ngoài để trả lương và có lúc phải nợ lại tiền lương. Có những lúc thiếu vốn và thiếu lao động, Ban lãnh đạo Công ty phải huy động toàn bộ cán bộ, nhân viên văn phòng Công ty xuống các tổ đội để trực tiếp tham gia lao động, sản xuất. Đến giai đoạn hiện nay, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch hằng năm, thực hiện đạt hiệu quả kinh doanh, thu nhập của người lao động luôn ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách nhà nước và các khoản nộp cho người lao động, tiếp tục đẩy mạnh việc mở rộng quy mô hoạt động của Công ty, tham gia làm tốt công tác xã hội và hoàn thành các nhiệm vụ khác. Với những thành quả đã đạt được Công ty đã vinh dự được Nhà nước tặng huân chương lao động hạng ba năm 1995, huân chương lao động hạng hai năm 2003 và huân chương lao động hạng nhất năm 2008.

Từ năm 2004, Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Năm 2010, Công ty thực hiện đổi mới và nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng theo phiên bản ISO 9001: 2008, đến năm 2015 Công ty tiếp tục đổi mới và nâng cấp theo phiên bản ISO 9001: 2015 nhằm phục vụ tốt cho khách hàng và giữ uy tín thương hiệu sản phẩm.

Ngày 25/10/2018, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé đã tổ chức thành công cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng cổ phần đưa ra đấu giá là 41.000.000 cổ phần, số lượng cổ phần trúng đấu giá là 310.200 cổ phần, giá đấu thành công cao nhất là 10.300 đồng/cổ phần, giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.002 đồng/cổ phần. Sau đó, Công ty đã tiếp tục triển khai chào bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết trong đợt chào bán cổ phần ra lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, số lượng cổ phần của 05 nhà đầu tư tham gia mua 305.500 cổ phần

Ngày 26/12/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Ngày 03/01/2019, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo giấy CNĐKDN số 3800100464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 03/01/2019, với mức vốn điều lệ là 821.034.960.000 đồng (Tám trăm hai mươi một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ngày 23/04/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 2529/UBCK-GSSĐC về việc chấp thuận Công ty là công ty đại chúng.

Ngày 08/8/2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp CNĐKDN, đăng ký thay đổi lần thứ bảy, với mức vốn điều lệ là 813.961.920.000 đồng (Tám trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Ngày 28/07/2020 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 48/2020/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký là **81.396.192 cổ phiếu** (Tám mươi một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai cổ phiếu).

1.4 Quá trình điều chỉnh vốn của Công ty

Theo Phương án cổ phần hoá Công ty được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 02/5/2018, vốn điều lệ dự kiến của Công ty là 1.230.633.000.000 đồng trong đó thì vốn Nhà nước nắm giữ 799.500.000.000 đồng, chiếm 64,967% tương đương 79.950.000 cổ phần.

Tuy nhiên khi triển khai Phương án bán cho cổ phần cho Nhà đầu tư thì kết quả không đạt được như Phương án cổ phần hoá, cụ thể: Vốn điều lệ Công ty cổ phần phải điều chỉnh giảm xuống còn 821.034.960.000 đồng tại Quyết định số: 2896/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Bình Phước, trong đó: Cổ phần Nhà nước nắm giữ 799.500.000.000 đồng, chiếm 97,377% tương đương 79.950.000 cổ phần.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 03/01/2019, với mức vốn điều lệ là 821.034.960.000 đồng.

Thực hiện Khoản 4 Điều 21 Nghị định số: 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, UBND tỉnh đã thực hiện việc quyết toán phần thu về cổ phần hoá, quyết toán chi phí cổ phần hoá của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé và phê duyệt điều chỉnh giảm giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần ngày 03/01/2019 của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé tại Quyết định số: 1163/QĐ-UBND ngày 03/06/2019, theo đó giá trị phần vốn góp của nhà nước giảm 7.073.033.418 đồng, tương đương 707.303 cổ phần (làm tròn). Vốn nhà nước còn lại sau khi điều chỉnh giảm là 792.426.966.582 đồng, tương đương 79.242.697 cổ phần (làm tròn).

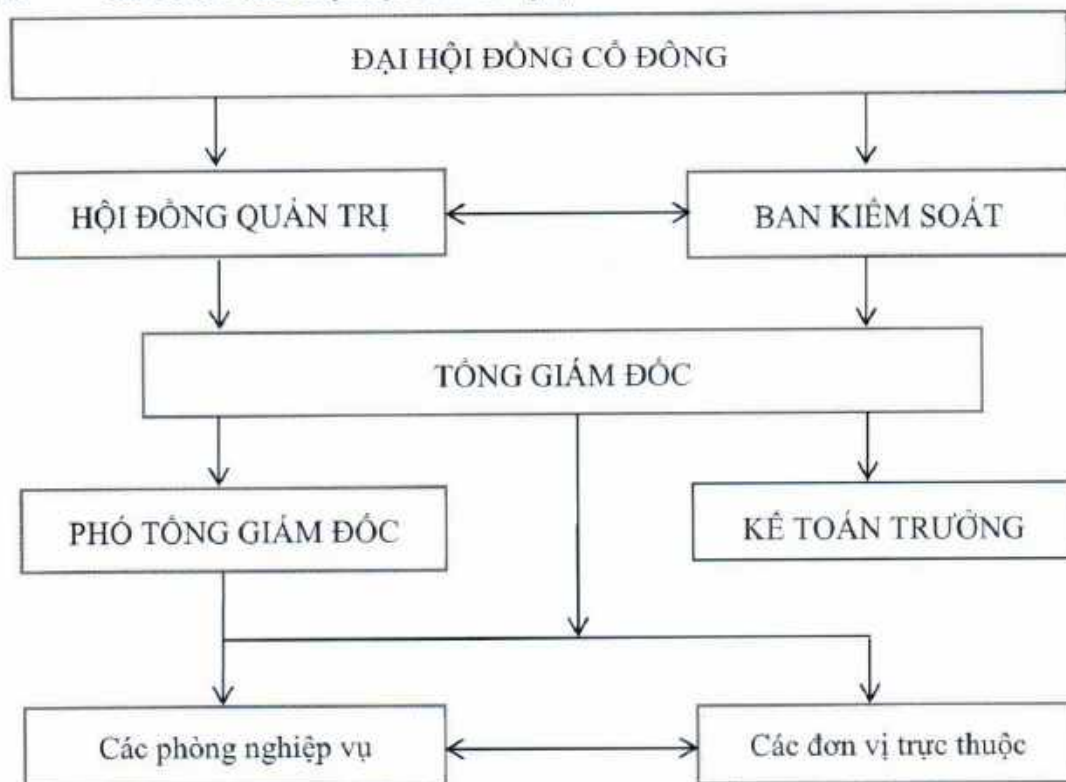
Ngày 08/08/2019, Hội đồng quản trị Công ty tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Tờ trình số 04/TTr-CSSB-HĐQT ngày 10/07/2019 của Hội đồng quản trị với nội dung điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ 821.034.960.000 đồng còn 813.961.920.000 đồng, tỷ lệ 99,45% tán thành.

Ngày 08/08/2019 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp CNDKDN, đăng ký thay đổi lần thứ bảy, với mức vốn điều lệ là 813.961.920.000 đồng (Tám trăm mười ba tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng).

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 26 tháng 12 năm 2018, và được điều chỉnh, bổ sung thông qua vào ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức hiện tại của Công ty



Nguồn: Soruco

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với vô số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ **Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

❖ **Các Phó Tổng Giám đốc**

Các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm cách chức hoặc ký Hợp đồng. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký Hợp đồng với Phó Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp Hợp đồng. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo sự phân công và ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến ký Hợp đồng hoặc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

❖ **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký Hợp đồng. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký Hợp đồng với Kế toán trưởng không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp Hợp đồng. Kế toán trưởng giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng theo Hợp đồng lao động đã ký kết và quy định của pháp luật.

❖ **Bộ máy giúp việc**

Bộ máy giúp việc gồm 06 phòng nghiệp vụ (Kế toán tài chính, Kế hoạch kinh doanh, Tổ chức hành chính, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lý chất lượng, Bảo vệ); 04 nông trường (Nha Bích, Bù Đốp, Nghĩa Trung, Lộc Thạnh); 02 nhà máy chế biến mù (Tham Rót, Nghĩa Trung).

3. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

3.1 **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/05/2020 như sau:

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 13/05/2020

1001
CỘNG
CỔ P
CAI
SÔNG
THAN

III
C
10
5
1
A
1
M
C
1
T

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước	2665/QĐ-UBND	Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	79.242.696	97,35%
Tổng cộng				79.242.696	97,35%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 13/05/2020

3.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/05/2020 như sau:

Bảng 2: Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tại ngày 13/05/2020

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	627	81.392.192	100%
1	Tổ chức	2	79.342.696	97,48%
2	Cá nhân	625	2.049.496	2,52%
II	Cổ đông nước ngoài	3	4.000	0,005%
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	3	4.000	0,005%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		630	81.396.192	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 13/05/2020

3.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Không có

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

4.1 Danh sách công ty mẹ và những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Không có.

4.2 Danh sách công ty con và những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

4.3 Danh sách công ty liên doanh, liên kết

Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

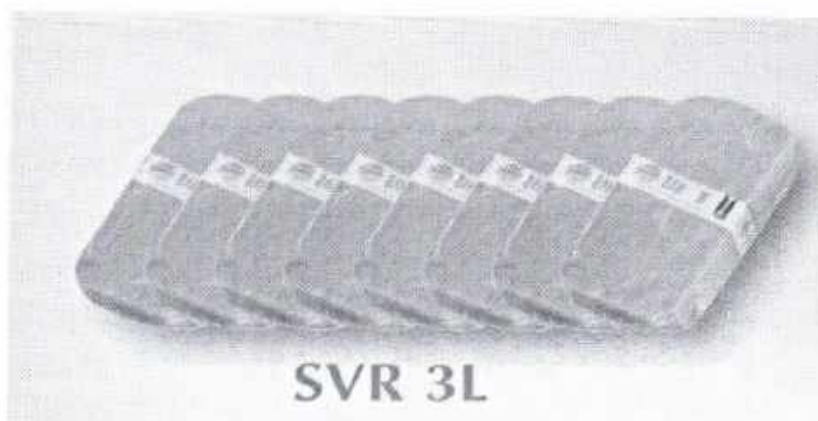
5.1 Sản phẩm kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: trồng cây cao su, trồng cây lâu năm khác, thu mua cao su tiêu điền, chăm sóc và trồng rừng và sản xuất mũ cao su.

Công ty có diện tích trồng cao su là 4.512,93 ha ở các địa bàn huyện Chơn Thành, Bù Đăng, Bù Đốp, Lộc Ninh, Đồng Phú và TP. Đồng Xoài, trong đó có 3.648,05 ha đang trong quá trình khai thác, 864,88 ha kiệt thiết cơ bản. Toàn bộ diện tích cao su khai thác đều được sử dụng làm nguyên liệu cho hoạt động sản xuất mũ cao su của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn làm đại lý thu mua cao su tiêu điền ở các khu vực Bù Đăng để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất.

Ngoài ra, Công ty có 134,96 ha rừng trồng cây Keo tại huyện Lộc Ninh và Bù Đốp, được quản lý, chăm sóc 93,5 ha rừng trồng cây Giá tỵ tại TP. Đồng Xoài và 23,38 ha rừng tự nhiên đầu nguồn tại huyện Chơn Thành; tuy nhiên, phần diện tích rừng trồng cây này vẫn chưa đem lại nguồn thu cho Công ty.

Các hoạt động trồng, chăm sóc cao su và thu mua tiêu điền đều để phục vụ việc sản xuất mũ cao su của các nhà máy. Sản phẩm chủ lực hiện nay là mũ cao su thành phẩm SVR 3L mang thương hiệu SORUCO, sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 3769:2016 trên hệ thống dây chuyền sản xuất của GOLSTAR - Malaysia. Sản phẩm của Công ty chủ yếu được bán trực tiếp cho các công ty xuất nhập khẩu (doanh nghiệp trung gian ở Việt Nam) như Công ty TNHH Sản xuất thương mại nông sản Khải Hưng, Công ty TNHH Tân Triều, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Việt Nam..., thông qua đó sản phẩm của Công ty được xuất đi các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ và phần nhỏ còn lại sẽ được các doanh nghiệp trung gian này bán cho các doanh nghiệp trong nước khác dùng làm nguyên vật liệu để sản xuất lốp xe, v.v.v... Sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt được khách hàng trong và ngoài nước ưa chuộng và được tặng nhiều giải thưởng như: Nhân hiệu cạnh tranh nổi tiếng, Giải thưởng chất lượng năm 2006; Cúp vàng ISO năm 2007, năm 2008; Sản phẩm chất lượng cao và uy tín thương mại năm 2008, Cúp vàng nông nghiệp 2009, Cúp tinh hoa Việt Nam 2009; Cúp vàng thương hiệu Việt WTO 2010. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 và ISO/IEC 17025:2005.



Hình ảnh: Sản phẩm Mũ SVR 3L của Soruco

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Bảng 3: Chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm mủ SVR 3L do Công ty sản xuất

Stt	Chỉ tiêu	Theo TCVN (%)	Thực tế của nhà máy
1	Hàm lượng chất bẩn - max	0,03	0,015
2	Hàm lượng chất tro - max	0,5	0,2
3	Hàm lượng chất bay hơi	0,8	0,3
4	Hàm lượng đạm (N) - max	0,6	0,3
5	Độ dẻo ban đầu (Po) min	35	40
6	Chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) - min	60	85
7	Chỉ số màu Lovibond - max	6	4

Nguồn: Soruco

5.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào Công ty chủ yếu từ các chi Nông trường và thu mua tiêu điện, việc thu mua tiêu điện để tận dụng hết công suất nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm người lao động. Nguồn nguyên liệu chủ yếu sản lượng vườn cây cao su Công ty đang quản lý nên rất ổn định, tuy nhiên vườn cây khai thác Nông trường Nha Bích đã già cỗi, diện tích khai thác giảm do bàn giao mặt bằng làm Khu công nghiệp, một số vườn cây mới đưa vào khai thác nên năng suất còn thấp. Sản lượng đầu vào đưa vào chế biến từ năm 2016 đến 2019 như sau:

Bảng 4: Sản lượng mủ từ năm 2016 đến năm 2019

Danh mục	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng diện tích vườn cây khai thác (ha)	2.471,87	2.887,53	3.509,30	3.705,07
Tổng sản lượng mủ khai thác (tấn)	2.308,33	3.489,61	4.408,11	5.113
Tổng sản lượng thu mua tiêu điện (tấn)	1.685,88	2.182,81	266,10	4.516

Nguồn: Soruco

Theo thống kê những năm gần đây thì tỷ lệ mủ Công ty khai thác chiếm khoảng trên 65%, mủ thu mua tiêu điện chiếm khoảng 35%.

Nguồn nguyên vật liệu nhìn chung đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và ổn định. Tuy nhiên, sự biến động giá cả cũng tác động không nhỏ đến khả năng thu mua từ bên ngoài do việc thu mua phải đảm bảo không bị lỗ và việc tồn kho lâu sẽ dẫn đến rủi ro làm tăng giá thành trong khi giá bán thấp.

5.3 Thị trường của Công ty

➤ Về thị trường

Sản phẩm của Công ty được bán thị trường trong nước và nước ngoài, trong đó phần lớn là bán trong nước bình quân chiếm khoảng 80% còn lại là bán xuất khẩu.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Công ty đang tìm kiếm thêm các thị trường mới, đặc biệt là các thị trường có nhiều khách hàng đã từng giao dịch nhưng chưa có cơ hội mua bán với Công ty thông qua hội nghị khách hàng của Hiệp hội Cao su Việt Nam.

⚡ Về yếu tố cạnh tranh

Đối với thị trường trong nước: đối thủ cạnh tranh của Công ty là các công ty tư nhân, chủ yếu thu mua mù tiêu điện và bán các sản phẩm như SVR 3L... Đặc điểm của nhóm này là mô hình quản trị nhỏ gọn, linh động trong chính sách giá thu mua, chính sách đối với khách hàng vì vậy tạo áp lực cạnh tranh rất lớn trong thu mua nguồn nguyên liệu mù tiêu điện.

Đối với thị trường quốc tế: các đối thủ cạnh tranh đến từ các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Indonexia, Ấn Độ... Đặc điểm của nhóm này là giá cả, chất lượng, có nhiều kinh nghiệm trong khai thác, sản xuất cao su, trình độ công nghệ sản xuất tốt, có đầu ra ổn định.

5.4 Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Cơ cấu doanh thu của Công ty trong 02 năm gần nhất như sau:

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động của Công ty

DVT: Triệu đồng

Stt	Nhóm dịch vụ	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Doanh thu bán mù cao su	169.410	100%	313.875	100%	85,28%	64.412	100%
	Tổng cộng	169.410	100%	313.875	100%	85,28%	64.412	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

Trong năm 2019, Công ty đưa vào hoạt động nhà máy chế biến Nghĩa Trung theo quyết định số 449s/QĐ-CSSB của Tổng Giám đốc ngày 28/06/2019 đã làm tăng năng suất sản xuất và hoạt động kinh doanh. Sản lượng cao su chế biến và bán ra tăng 83% so với năm trước nên doanh thu năm nay tăng cao gấp 1,85 lần so với năm trước. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tiến hành ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 01/HĐHTKD-SBĐB ngày 25/09/2019 và phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/PLHĐHTKD-SBĐB ngày 02/10/2019 với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ phát triển Đông Bắc về việc thực hiện dự án đầu tư trồng chuỗi ứng dụng công nghệ cao, nhằm mở rộng lĩnh vực kinh doanh, gia tăng nguồn thu cho Công ty trong tương lai.

5.5 Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty trong 02 năm gần nhất như sau:

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

DVT: Triệu đồng

Stt	Nhóm dịch vụ	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp bán mủ cao su	8.294	4,90%	20.797	6,63%	150,75%	10.213	15,86%
	Tổng cộng	8.294	4,90%	20.797	6,63%	150,75%	10.213	15,86%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

Lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2019 tăng trưởng mạnh mẽ gấp 2,5 lần so với năm 2018, đạt được 20.797 tỷ đồng. Việc tăng trưởng theo hướng tích cực đến từ việc đưa vào hoạt động của Nhà máy chế biến Nghĩa Trung trong năm 2019, dẫn đến sản lượng cao su chế biến và tiêu thụ tăng lên 1,83 lần nhằm mục đích mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.6 Chi phí hoạt động kinh doanh

Tổng hợp chi phí và tỷ trọng chi phí trên doanh thu thuần của Công ty trong 02 năm gần nhất như sau:

Bảng 7: Chi phí hoạt động chính

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2020	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/DTT (%)
	Doanh thu thuần	169.410		313.875		85,28%	64.412	
1	Giá vốn hàng bán	160.486	94,73%	293.078	93,37%	82,62%	54.200	84,14%
2	Chi phí tài chính	3.905	2,31%	5.461	1,74%	39,85%	1.157	1,80%
3	Chi phí bán hàng	132	0,08%	238	0,08%	80,30%	47	0,07%
4	Chi phí quản lý	8.069	4,76%	17.035	5,43%	111,12%	7.816	12,13%

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

	doanh nghiệp							
5	Chi phí khác	49.230	29,06%	12.376	3,94%	-74,86%	2.240	3,48%
Tổng cộng		221.822	130,94%	328.188	104,56%	47,95%	65.460	101,63%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

Năm 2019, khi Nhà máy Nghĩa Trung được đưa vào hoạt động thì Công ty đã phải tăng cường thu mua mù nguyên liệu từ người dân để đảm bảo công suất hoạt động của Nhà máy cũng như tăng chi đầu tư, mua sắm thêm tài sản cố định. Từ đó làm chi phí nguyên vật liệu tăng đột biến, chi phí khấu hao tài sản, chi phí bán hàng tăng nên là lý do khiến chi phí giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty tăng mạnh lần lượt gấp 1,8 lần và 2,1 lần so với năm 2018.

Bên cạnh đó, chi phí khác trong năm 2019 có thể thấy giảm khá nhiều so với năm 2018, từ 49.230 tỷ đồng xuống còn 12.376 tỷ đồng. Vì trong năm 2018, Công ty đang quản lý dự án BOT ĐT 741, tại thời điểm đó doanh thu từ trạm thu phí Công ty được hạch toán vào thu nhập khác, và chi phí của dự án đó Công ty cũng hạch toán vào chi phí khác. Trước khi cổ phần hóa Công ty đã chuyển giao dự án về cho Quỹ đầu tư của Tỉnh Bình Phước theo phương án Cổ phần hóa, do đó đã làm chi phí khác giảm đột biến.

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1 Hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	6 tháng đầu năm 2020
1. Tổng giá trị tài sản	1.041.359	1.042.861	0,14%	973.350
2. Vốn chủ sở hữu	813.962	824.309	1,27%	815.371
3. Doanh thu thuần	169.410	313.875	85,28%	64.412
4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	272	7.304	2.585,29%	3.150
5. Lợi nhuận khác	71.326	35.392	-50,38%	(1.389)
6. Lợi nhuận trước thuế	71.598	42.696	-40,37%	1.761
7. Lợi nhuận sau thuế	55.814	33.787	-39,47%	1.409
8. Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.127	1,27%	10.017

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

Năm 2019, doanh thu thuần tăng gấp 1,85 lần so với năm 2018, tăng từ 169 tỷ đồng lên 314 tỷ đồng. Nguyên nhân là do Công ty đã tiến hành thanh lý các vườn cây cao su già cỗi có năng suất thấp và đưa vào khai thác các vườn cây kiến thiết cơ bản năm 2012 và năm 2013 dẫn tới Công ty đạt sản lượng cao su khai thác tăng so với năm 2018. Đồng thời, trong năm 2019, Công ty chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Nghĩa Trung góp phần làm tăng năng suất

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

sản xuất và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng có khoản doanh thu hoạt động tài chính đến từ các khoản lãi tiền gửi và lãi từ việc góp vốn thông qua các hợp đồng hợp tác kinh doanh, đạt 9,2 tỷ đồng tăng gấp 2,68 lần so với năm 2018. Do vậy, có thể thấy rõ các yếu tố trên đã làm lợi nhuận hoạt động kinh doanh tăng trưởng đáng kể, tăng gấp 26,85 lần so với năm 2018.

Có thể thấy khoản mục lợi nhuận khác năm 2019 biến động rõ rệt, cụ thể, giảm từ 71 tỷ xuống còn 35 tỷ đồng so với năm 2018. Điều này có thể giải thích từ việc Công ty đã thực hiện chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần BOT quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư trong năm 2019, do đó khoản thu nhập từ “Thu bán vé đường bộ” không còn tiếp tục ghi nhận vào năm 2019 nữa. Bên cạnh đó, năm 2018, Công ty có nguồn thu nhập khác từ việc thanh lý cây cao su gãy đổ, thanh lý cây cao su già cỗi để tiếp tục trồng tái canh cây cao su và chuyển đổi sang đầu tư nông nghiệp công nghệ cao với doanh thu cụ thể đến từ việc bán thanh lý cây cao su đạt 76,1 tỷ đồng, doanh thu khác từ Cáp treo Bà Rá đạt 45,6 tỷ đồng, doanh thu từ Xí nghiệp thu phí BOT Tân Lập đạt 60,3 tỷ đồng. Trong khi đó năm 2019, doanh thu khác chủ yếu là đến từ thanh lý cây cao su đạt 100 tỷ đồng, do vậy việc thay đổi chi tiêu này phụ thuộc lớn vào diện tích thanh lý trong năm và giá bán cây cao su trên thị trường và việc Công ty đã thoái vốn tại Xí nghiệp cáp treo Bà Rá và Xí nghiệp thu phí Tân Lập theo Phương án Cổ phần hóa đã được phê duyệt.

Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán, ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chi tiết ý kiến kiểm toán như sau:

✓ “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”

- Như thuyết minh báo cáo tài chính mục VI.7, Chi phí liên quan đến chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty liên kết Công ty hạch toán vào khoản mục chi phí khác – mã số 32 để xác định kết quả kinh doanh trong năm thay vì hạch toán vào khoản mục chi phí tài chính – mã số 22 với số tiền 7.703.081.381 đồng. Việc trình bày này chưa phù hợp quy định hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, làm cho việc trình bày các khoản mục trên Báo cáo kết quả kinh doanh chưa phản ánh phù hợp với quy định.

Công ty giải trình ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

Ngày 09/07/2019, Công ty ký hợp đồng thuê Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh, để thực hiện bán đấu giá phần vốn đầu tư Công ty cổ phần BOT quốc lộ 13 để đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng đường quốc lộ 13, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 30% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 48.600.000.000 đồng, kết quả bán đấu giá là Công ty TNHH Trung Nam Hậu Giang trúng đấu giá với số tiền 41.344.000.000 đồng.

Chênh lệch giữa số tiền thu được từ bán đấu giá, nhỏ hơn so với giá trị vốn đầu tư ban đầu cộng với các chi phí thanh lý và bán đấu giá là âm 7.703.081.381 đồng. Với số lỗ này, thấp hơn số lỗ lũy kế đến thời điểm 31/03/2019 mà Công ty cổ phần BOT quốc lộ 13 chia lỗ cho Công ty tương ứng với số vốn góp 30% vốn điều lệ là âm 13.037.971.758 đồng.

Số lỗ này (7.703.081.381 đồng), Công ty hạch toán vào chi phí khác và kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2019. Tổng lợi nhuận năm 2019 của Công ty là 42.696.351.719 đồng.

Việc Công ty phân loại khoản lỗ bán phần vốn đầu tư vào chi phí khác (mã số 32) để phục vụ mục đích quản trị của Công ty và không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty trong năm 2019.

6.2 Những thuận lợi, khó khăn của công ty trong thời gian qua

✦ Thuận lợi

Sản phẩm cao su Việt Nam đã khẳng định vị trí vững chắc trên thị trường thế giới, bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu với nhiều chủng loại khác nhau, đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng.

Cây cao su đã được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn xác định là cây đa dụng, tạo điều kiện để mở rộng quy mô vườn cây cao su.

Các chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư, tín dụng ngày càng thông thoáng tạo điều kiện cho Công ty đầu tư nâng cao năng lực về vốn và thiết bị, đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất để nhanh chóng thích ứng khi Việt Nam hội nhập hoàn toàn với khu vực và quốc tế.

Với công suất của các máy móc thiết bị, công nghệ mới hiện nay, Công ty vẫn còn khả năng tận dụng để sản xuất các loại sản phẩm khác ngoài các sản phẩm truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Từ đó góp phần làm giảm giá thành sản phẩm thông qua việc giảm chi phí khấu hao trên từng đơn vị sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh về giá cả trên thị trường, đồng thời vẫn đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý, điều hành sản xuất được thực hiện theo hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; đảm bảo quy trình, chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường.

Cán bộ, công nhân viên Công ty hiện nay đã trưởng thành, đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để đưa hoạt động của Công ty đi lên, đảm bảo kế hoạch đề ra và đạt được lợi nhuận cao.

Về nguồn nhân lực, đời sống văn hoá, môi trường xã hội: hàng năm, lãnh đạo các cấp thường xuyên tạo điều kiện khám chữa bệnh tốt hơn cho cán bộ công nhân viên. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ngày càng được nâng cao nên họ rất phấn khởi, yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty. Cán bộ công nhân viên ngày càng đoàn kết, không ngừng nỗ lực phấn đấu, chủ động sáng tạo, giành được nhiều thành tích to lớn.

Sự phát triển vùng chuyên canh cao su luôn gắn liền với sự hình thành và phát triển các khu vực hành chính địa phương. Do vậy, luôn có mối quan hệ gắn kết truyền thống giữa Công ty và địa phương, khu vực. Nguồn nhân lực của Công ty có truyền thống lâu dài, suốt cả trong thời kỳ Pháp thuộc đến nay. Truyền thống công nhân cao su, mối quan hệ gắn bó với địa phương, vai trò của các tổ chức quần chúng, xã hội... là những thuận lợi cho Công ty trong việc xây dựng nguồn nhân lực.

Về yếu tố tự nhiên: Vùng sinh thái miền Đông Nam bộ có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp cho việc trồng và khai thác cao su. Địa hình khá bằng phẳng, độ dốc không lớn, độ cao trung bình dưới 100m so mặt nước biển... đã tạo ra một khu vực có điều kiện thuận lợi phát triển cây cao su với quy mô lớn.

Về công nghệ: Những công nghệ trong ngành sinh học, về lĩnh vực giống cây, kỹ thuật canh tác; những công nghệ hóa sinh, lý sinh kích thích gia tăng cường độ tiết mủ... làm tăng năng suất vườn cây, cả về khai thác mủ lẫn nguồn gỗ cao su.

Công ty đã thiết lập được mối quan hệ, gắn bó lâu dài với các khách hàng truyền thống, mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng và ngân hàng. Với chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện, Công ty sẽ có cơ hội hợp tác và phát triển thị trường sang các nước trong khu vực cũng như thực hiện việc liên doanh, liên kết với các công ty để tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị thi công.

Với những kết quả của Công ty đã đạt được trong suốt những năm gần đây, đồng thời được sự hỗ trợ và chỉ đạo của Công ty cùng các cơ quan, ban, ngành từ trung ương tới địa phương, lãnh đạo Công ty đoàn kết khắc phục những khó khăn, quyết tâm đổi mới, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định, đường lối chủ trương của Nhà nước.

✦ **Khó khăn**

Sự biến động giá cao su trên thị trường thế giới: Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hàng đầu trong xuất khẩu cao su thiên nhiên là một thế mạnh hỗ trợ cho Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2019, do chịu nhiều tác động của biến động kinh tế khiến giá cao su giảm sâu cộng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, lượng cung vẫn vượt quá nhiều so với lượng cầu đã ảnh hưởng lớn đến tình hình tiêu thụ của Công ty. Bên cạnh đó, yêu cầu ngày một cao của khách hàng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ, yêu cầu các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng cần cải thiện, đầu tư hơn nữa.

Về yếu tố khí hậu: Diễn biến thất thường của thời tiết (tần suất mưa, bão nhiều) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng, năng suất và hiệu quả của Công ty. Độ ẩm cao là tác nhân phát triển các loại nấm phấn trắng, nấm hồng,... trên cây cao su, làm giảm chất lượng vườn cây cao su.

Về mặt môi trường văn hoá – xã hội tại địa phương: môi trường văn hoá – xã hội tốt không những bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, mà còn giảm thiểu vấn nạn trộm cắp mủ, chặt phá vườn cây cao su. Tuy nhiên, trên địa bàn của Công ty một số nơi thu nhập của người dân không cao, nghề nghiệp không ổn định, tình trạng chặt phá cao su, trộm cắp mủ vẫn là tệ nạn cần được chú trọng để bảo vệ thành quả sản xuất kinh doanh.

Công nghệ các ngành công nghiệp sử dụng cao su thiên nhiên của Việt Nam còn chưa phát triển, lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước vẫn còn ở mức thấp, chủ yếu tập trung vào các sản phẩm: săm lốp xe các loại, găng tay, nệm mút,... các ngành công nghiệp cao su kỹ thuật cao, cao su y tế còn chưa phát triển. Các ngành công nghiệp cao su trong nước chậm phát triển đã thu hẹp thị trường nội địa vốn có điều kiện thuận lợi về khả năng cung ứng, thuận lợi trong vận chuyển, kho bãi... Điều này đã hạn chế khả năng phát triển các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su.

7. **Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty là công ty cổ phần có vốn nhà nước (UBND tỉnh Bình Phước) tham gia 97,35% vốn điều lệ, hoạt động độc lập với các doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam, chỉ sản xuất kinh doanh ngành nghề chính là cao su, do vậy xét về vị thế thì tương đồng với các công ty cao su trực thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam có cùng mức vốn điều lệ và ngành nghề chính là cao su.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

❖ Về năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng

Về sản lượng: Việt Nam là nhà sản xuất và xuất khẩu cao su thiên nhiên lớn thứ 3 trên thế giới. Sau khi vươn lên vị trí thứ 3 toàn cầu về sản lượng cao su thiên nhiên từ năm 2013, Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế này với sản lượng gần 1,1 triệu tấn trên diện tích gần 1 triệu ha. Cao su thiên nhiên Việt Nam cũng đồng thời được xuất khẩu tới hơn 80 thị trường, chiếm gần 12% tổng sản lượng xuất khẩu toàn cầu (chỉ sau Thái Lan – gần 40% và Indonesia – khoảng 25 – 26%).

Về giá thành: giá thành sản xuất cao su Việt Nam thấp hơn so với các quốc gia trong khu vực do tận dụng được nguồn nhân công giá rẻ, năng suất khai thác cao. Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé đang có những giải pháp giảm chi phí lao động, ... Với những giải pháp này, giá thành cao su Việt Nam ước tính sẽ giảm đáng kể so với trong quá khứ.

Tuy nhiên bên cạnh những điểm mạnh trên thì ngành cao su Việt Nam cũng có những điểm yếu:

Chủng loại cao su chưa thích ứng với nhu cầu thế giới: hiện tại nhu cầu sử dụng cao su trên thế giới chủ yếu thuộc về 2 chủng loại TSR10 và TSR20 trong khi đó Việt Nam có tỷ trọng các loại cao su này thấp hơn so với các quốc gia xuất khẩu khác, 21% so với mức 42% của Thái Lan và 94% của Malaysia. Tỷ trọng cao su loại cao cấp SVR3L của Việt Nam lớn nhưng nhu cầu về chủng loại này trên thế giới lại không cao.

Thị trường tiêu thụ cao su của Việt Nam chủ yếu là Trung Quốc: Trung Quốc là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm hơn 63% giá trị xuất khẩu, và kế đến là Hàn Quốc (4.9%).

Diện tích cao su khó mở rộng: Ở nước ta khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi để trồng cao su nằm ở Vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và duyên hải miền Trung là những khu vực trồng cao su khá tập trung, tuy nhiên khả năng mở rộng diện tích thấp. Do đó, các công ty cao su Việt Nam tập trung mở rộng diện tích cao su tại Campuchia & Lào.

❖ Hỗ trợ từ chính sách thuế

Để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp cao su Việt Nam, Nhà nước cũng đã có các chính sách liên quan đến việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông sản nói chung và cây cao su nói riêng. Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trồng, chế biến mủ cao su thiên nhiên cho kỳ tính thuế TNDN từ năm 2015 được áp dụng như sau:

❖ Về cao su thiên nhiên

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Từ năm 2011, thị trường cao su tự nhiên thế giới rơi vào tình trạng cung vượt cầu, đỉnh điểm là năm 2013 với thặng dư cao su trên toàn thế giới đạt mức 851 nghìn tấn. Chính vì thế giá cao su thiên nhiên cũng không ngừng lao dốc trong giai đoạn này; cụ thể giá cao su RSS3 đã liên tục hạ từ mức đỉnh 5.616 USD/tấn năm 2011 và tạo đáy ở mức giá 1.107 USD/tấn tháng 1/2016. Tuy nhiên trong năm 2017 giá cao su đã có những chuyển biến tích cực và có thời điểm giá cao su tăng lên mức cao kỷ lục khoảng 2.870USD/tấn vào tháng 2/2017.

Không nằm ngoài tác động bởi diễn biến thị trường cao su thế giới Ngành cao su Việt Nam cũng bị tác động mạnh bởi thị trường cao su thế giới: giá trị và sản lượng cao su xuất khẩu lao dốc mạnh trong giai đoạn 2011-2016 và chỉ mới dần khởi sắc kể từ nửa sau năm 2016. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2017, sản lượng xuất khẩu cao su thiên nhiên của nước ta là 326 nghìn tấn, đạt giá trị 682 triệu USD, mặc dù sản lượng giảm 2% nhưng giá trị lại tăng hơn 61% so với cùng kỳ năm 2016; cho thấy giá cao su đang trên đà phục hồi rất tích cực. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), sản lượng cao su thiên nhiên thế giới năm 2019 ước tính tăng 0,2% so với năm trước lên 13,896 triệu tấn nhưng tiêu thụ giảm 1,1% xuống còn 13,699 triệu tấn so với năm 2018. Bên cạnh các yếu tố như tình trạng dư cung đáng kể, tâm lý kinh doanh tiêu cực do cuộc chiến thuế quan, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng ... làm trì hoãn đầu tư cùng với việc suy giảm tiêu thụ ở 2 quốc gia tiêu thụ cao su thiên nhiên lớn nhất là Trung Quốc và Ấn Độ thì triển vọng thị trường cho năm 2020 vẫn có nhiều kỳ vọng phục hồi.

Theo Tổ chức Nghiên cứu Cao su quốc tế (IRSG), trong điều kiện sản xuất bình thường, khoảng cách chênh lệch giữa cung-cầu sẽ tiếp tục được thu hẹp dần trong dài hạn nhờ giảm diện tích trồng cao su do chuyển đổi sang cây trồng khác, gia tăng tái canh. Sản lượng cao su thiên nhiên được dự báo sẽ tăng với tốc độ chậm hơn (1,8%) so với tổng mức tăng trưởng tiêu thụ cao su (2,3%) trong giai đoạn 2019 -2028.

Giá cao su dự báo sẽ tăng

Theo Bộ Công Thương, giá cao su thiên nhiên gần đây có xu hướng tăng do tác động tích cực từ thị trường dầu mỏ. Dự báo xu hướng giá trong ngắn hạn sẽ còn tiếp tục khả quan.

Theo các chuyên gia trong ngành, triển vọng ngắn hạn của thị trường cao su vẫn khả quan khi các Chính phủ trên toàn thế giới chuyển hướng từ tập trung chống dịch Covid-19 sang nỗ lực khôi phục kinh tế. Bên cạnh đó, việc các nước mở cửa trở lại nền kinh tế thúc đẩy nhu cầu và giá dầu mỏ tăng, từ đó cũng góp phần tác động tích cực lên giá cao su.

Kể từ đầu tháng 04/2020 tới trung tuần tháng 06/2020, giá cao su trên sàn Thượng Hải (Trung Quốc) tăng 12%, hiện đạt khoảng 10.300 CNY/tấn. Giá cao su hàng thực ở Châu Á và giá trên sàn Tokyo (Nhật Bản) cũng đang trong xu hướng tích cực. Thế giới đang dần dỡ bỏ những chính sách phong tỏa/giãn cách xã hội. Các hoạt động từ sản xuất đến giao thông đều được khôi phục dần. Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su quốc tế (ANRPC), tiêu thụ cao su toàn cầu tháng 05/2020 giảm 15%, nhưng tháng 06/2020 ước tính chỉ còn giảm 5,3% và sẽ chuyển hướng tăng từ tháng 07/2020.

Trong khi đó, Ủy ban Cao su Malaysia (MRB) nhận định nhu cầu cao su toàn cầu sẽ trở lại tăng trưởng vào tháng 6/2020 với mức tăng khoảng 0,4%, sau khi giảm 21,3% trong tháng 04/2020 và giảm 10,1% vào tháng 05/2020. Dự báo của MRB dựa trên cơ sở nhu cầu từ Trung Quốc, nước tiêu thụ cao su thiên nhiên lớn nhất thế giới sẽ tăng lên theo đà tăng trưởng của ngành ô tô, với doanh số bán xe trong tháng 04/2020 tăng 4,4% so với cùng kỳ năm

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

ngoài, sau khi giảm nhiều nhất 21 tháng ở tháng 03/2020.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 136,35 nghìn tấn, trị giá 162,36 triệu USD, tăng 82,1% về lượng và tăng 80,4% về trị giá so với tháng 5/2020.

Trước đó, trong tháng 5/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam cũng tăng mạnh so với tháng liền kề trước khi đạt 74.870 tấn, trị giá 89,98 triệu USD, tăng 77,4% về lượng và tăng 67,7% về trị giá so với tháng 4/2020. Như vậy, đây là tháng thứ hai liên tiếp xuất khẩu cao su tăng trở lại trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su đạt 481,88 nghìn tấn, trị giá 638,42 triệu USD, giảm 21,4% về lượng và giảm 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 80% tổng lượng cao su xuất khẩu, đạt 109,03 nghìn tấn, trị giá 127,99 triệu USD, tăng 82,9% về lượng và tăng 81,8% về trị giá so với tháng 5/2020; so với tháng 6/2019 tăng 61,4% về lượng và tăng 35,6% về trị giá. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su sang Trung Quốc đạt 339,31 nghìn tấn, trị giá 435,11 triệu USD, giảm 12,1% về lượng và giảm 16,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên xuất khẩu cao su sang các thị trường phần lớn đều giảm mạnh. Tuy nhiên, xuất khẩu cao su sang một số thị trường vẫn đạt được sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2019 như: Cộng Hoà Séc, Ác-hen-ti-na, U-crai-na, nhưng các thị trường này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong xuất khẩu cao su của Việt Nam.

Hiện tại, tâm lý các nhà đầu tư đang dần được củng cố khi thị trường có nhiều tin tốt. Từ việc khôi phục của kinh tế Trung Quốc và sự suy yếu của đồng Yên Nhật, những phát hiện ban đầu từ 3 loại vắc xin thử nghiệm tiềm năng cho thấy kết quả tích cực, gia tăng kỳ vọng giải pháp y tế cho đại dịch COVID-19, và các nhà lãnh đạo của chính phủ tại Mỹ và EU đang thúc đẩy gói kích thích lớn nhằm giảm bớt thiệt hại kinh tế từ đại dịch.

7.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Công ty nhận thức được tiềm năng và triển vọng phát triển của doanh nghiệp đã đề ra và đang trong quá trình thực hiện những định hướng then chốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Về cơ bản định hướng phát triển Công ty phù hợp với phát triển của ngành, điều này tạo điều kiện tốt nhất cho Công ty có cơ hội phát triển và nhận được sự hỗ trợ nhiều mặt từ phía Nhà nước, nhất là hỗ trợ chuyên môn, vật chất.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 30/06/2020, tổng số lao động của Công ty là 1.121 nhân viên, với cơ cấu phân theo: giới tính và trình độ chuyên môn được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 9: Cơ cấu lao động tại ngày 30/06/2020

Stt	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
-----	----------	----------	-----------

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

I	Phân theo giới tính	1.121	100
1	Nam	644	57,44
2	Nữ	477	42,56
II	Phân theo trình độ chuyên môn	1.121	100
1	Trên đại học	3	0,26
2	Trình độ đại học	67	5,97
3	Trình độ cao đẳng	15	1,33
4	Trình độ trung học	79	7,04
5	Lao động có chứng chỉ nghề	54	4,82
6	Lao động phổ thông	903	80,58

Nguồn: Soruco

8.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng

❖ Chính sách tuyển dụng

Kế hoạch tuyển dụng: Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

Thông báo, yêu cầu tuyển dụng: Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty trước hết được gửi trực tiếp đến các địa phương để thông báo. Các thông tin chi tiết về hồ sơ và tiêu chuẩn xét tuyển được ghi rõ trong thông báo tuyển dụng.

Nguyên tắc tuyển dụng: Đảm bảo Công khai.

Trình tự tuyển dụng: Các ứng viên xin tuyển dụng phải nộp hồ sơ cho Bộ phận Tổ chức Kế hoạch ở các đơn vị hoặc nộp trực tiếp cho Phòng Tổ chức Hành chính Công ty. Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, ứng viên sẽ được kiểm tra tay nghề, kiến thức và kỹ năng. Cuối cùng, khi qua vòng kiểm tra, các ứng viên sẽ được mời đến phỏng vấn. Kết quả sẽ được Phòng Tổ chức Hành chính thông báo cho ứng viên sau khi có báo cáo tổng kết về quá trình tuyển dụng.

❖ Chính sách đào tạo

Hàng năm công ty đều mở các lớp đào tạo tay nghề cho công nhân có tay nghề kém và các ứng cử viên đã nộp hồ sơ. Ngoài ra, Công ty luôn tạo điều kiện học tập tốt nhất để các nhân viên thích ứng một cách nhanh nhất với môi trường làm việc mới. Công ty khuyến khích người lao động học thêm ngoài giờ làm việc chuyên môn để nâng cao năng lực làm việc tại Công ty, bằng cách: (1) Tạo điều kiện về thủ tục cần thiết để đi học được thuận lợi; (2) Dành một khoảng thời gian nhất định để người lao động tham gia học tập; (3) Có thể trợ cấp một khoản nhất định tiền học phí.

❖ Chính sách lương

Công ty thực hiện chính sách chi trả tiền lương theo quy chế trả tiền lương và thưởng của công ty được toàn thể người lao động công ty thông qua tại hội nghị người lao động hàng năm và đăng ký tại cơ quan lao động thương binh và xã hội được chấp thuận.

Bảng 10: Mức lương bình quân qua các năm

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	6.706.000	6.993.000	6.450.000

Nguồn: Soruco

❖ Chính sách thưởng

Công ty thực hiện chính sách chi trả tiền thưởng theo quy chế trả tiền lương và thưởng của công ty được toàn thể người lao động công ty thông qua tại hội nghị người lao động hàng năm và đăng ký tại cơ quan lao động thương binh và xã hội được chấp thuận.

❖ Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chính sách chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định.

Bảng 11: Tỷ lệ chi trả cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức chi trả	Ghi chú
2016	-	-	Công ty nhà nước
2017	-	-	Công ty nhà nước
2018	-	-	Công ty nhà nước
2019	1,28%	Tiền mặt (*)	Công ty chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần vào ngày 03/01/2019

Nguồn: Nghị quyết ĐHDCĐ thường niên năm 2020 của SBR

(*) Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Việc chi trả dự kiến sẽ được thực hiện trong Quý 4 năm 2020.

9. Tình hình tài chính

9.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	:	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	04 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	:	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	04 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	:	50 năm

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su của Công ty được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài chính và Quyết định số 221/QĐ-

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

<i>Năm khai thác</i>	<i>Tỷ lệ khấu hao theo %</i>
Năm thứ 01	2,50
Năm thứ 02	2,80
Năm thứ 03	3,50
Năm thứ 04	4,40
Năm thứ 05	4,80
Năm thứ 06	5,40
Năm thứ 07	5,40
Năm thứ 08	5,10
Năm thứ 09	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	5,20

9.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

9.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản phải nộp theo luật định về thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Bảng 12: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ	-	1.666	2.272
2	Thuế TNDN	14.836	7.946	-

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

3	Thuế Tài nguyên	52	-	-
4	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
5	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	135	135	3.371
6	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	17.825	2.125	9.705
Tổng cộng		33.848	11.871	15.348

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

9.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty Cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ cuối năm 2019 và 3 tháng đầu năm 2020 của Công ty như sau:

Bảng 13: Số dư các quỹ của Công ty

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Quỹ khen thưởng	22.416	27.782	23.280
2	Quỹ phúc lợi	26.999	27.648	27.279
3	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(145)	95	95
Tổng cộng		49.271	55.525	50.654

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

9.5 Tổng dư nợ vay

Bảng 14: Số dư nợ vay

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.500	8.900	9.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	50.000	40.670	-
Tổng cộng		57.500	49.570	9.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

❖ Chi tiết số dư nợ vay của Công ty:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

<i>Nợ dài hạn đến hạn phải trả</i>				
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – CN Tân Thành Bình Phước	-	8.900	9.000
2	Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Phước	7.500	-	-
II Vay và nợ thuê tài chính dài hạn				
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – CN Tân Thành Bình Phước ⁽¹⁾	-	40.670	-
2	Vay của Quỹ đầu tư Phát triển Bình Phước	50.000	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng số 5615LAV201900140-2018 ngày 28 tháng 02 năm 2018:

- Hạn mức: 80.000.000.000 đồng
- Mục đích vay: Sử dụng vốn tín dụng xây dựng nhà máy chế biến mù công suất 7.000 tấn/năm
- Thời hạn cho vay: 9 năm, kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực
- Thời hạn giải ngân cho vay: 24 tháng, kể từ ngày có hiệu lực hợp đồng này
- Lãi suất: 9,6%/năm
- Tài sản đảm bảo:

+ Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 79 ngày 27/02/2018 là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là vườn cây sao su trồng năm 2009 diện tích 15 ha với thời hạn sử dụng ngày 19/10/2059 và tài sản khác gắn liền với đất gồm nhà xưởng, vật kiến trúc, ... sẽ đầu tư nhà máy chế biến mù trên tổng diện tích: 283.804 m² tại xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số B1285397 ngày 27/12/2013 do UBND tỉnh Bình Phước cấp; số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT 04008.

+ Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 80 ngày 27/02/2018 là máy móc thiết bị hình thành trong tương lai gồm cung cấp và lắp đặt thiết bị chế biến; cung cấp và lắp đặt trạm cân xe, xe nâng, thiết bị kiểm phẩm và thiết bị sửa chữa cơ khí, cung cấp và lắp đặt trang thiết bị văn phòng.

9.6 Tình hình công nợ

✦ Các khoản phải thu:

Bảng 15: Các khoản phải thu

DVT: Triệu đồng

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	5.752	39.985	46.827
1	Phải thu khách hàng	2.081	36.771	36.344
2	Trả trước cho người bán	-	-	-
3	Phải thu khác	3.671	3.214	10.483
II	Các khoản phải thu dài hạn	88.810	93.810	103.247
1	Trả trước cho người bán	-	-	9.436
2	Phải thu dài hạn khác	88.810	93.810	93.810
	Tổng cộng	94.562	133.795	150.074

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

❖ **Chi tiết các khoản phải thu của Công ty:**

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
	Phải thu ngắn hạn	2.081	36.771	36.344
1	Công ty TNHH SXTMNS Khải Hưng	1.255	-	-
2	Công ty TNHH Trung Nam Hậu Giang ⁽¹⁾	-	36.344	36.344
3	Các khách hàng khác	825	427	-
4	Trả trước cho người bán	-	-	-
	Phải thu ngắn hạn khác	3.671	3.214	10.483
1	Tạm ứng của công nhân viên	1.362	1.440	9.936
2	Nhà máy Nghĩa Trung	-	568	-
3	Nhà máy Tham Rót	530	400	-
4	Các đối tượng khác	832	472	482
5	Lãi dự thu	1.853	1.301	65
6	Phải thu khác	456	472	-
II	Phải thu dài hạn của khách hàng			

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

	Phải thu dài hạn	-	-	9.436
1	Trả trước cho người bán ⁽²⁾	-	-	9.436
	Phải thu dài hạn khác	88.810	93.810	93.810
1	Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư ⁽³⁾	50.000	50.000	50.000
2	Văn phòng tỉnh ủy Bình Phước ⁽⁴⁾	38.810	38.810	38.810
3	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phát triển Đông Bắc ⁽⁵⁾	-	5.000	5.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

- (1) Là khoản phải thu từ chuyển nhượng vốn của Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 13 An Lộc – Hoa Lư cho Công ty Trung Nam theo Hợp đồng Kinh tế số 01/HDBTS-ALHL/2019 ký ngày 12/8/2019 giữa Công ty TNHH Trung Nam Hậu Giang và Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc mua bán tài sản hạ tầng đường bộ và quyền thu phí sử dụng tài sản hạ tầng đường bộ Công ty CP BOT quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư;
- (2) Là khoản tiền Công ty ứng trước tiền thuê 21ha Đất Khu công nghiệp Becamex Bình Phước;
- (3) Là khoản phải thu do Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé đã ứng tiền theo Công văn số 3468/UBND-KTN ngày 10/11/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé toàn bộ diện tích trồng cây cao su tạo vốn xây dựng Quốc lộ 13 đoạn An Lộc – Hoa Lư với nội dung như sau: “UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận giao toàn bộ diện tích đất theo Công văn 3943/UBND-SX ngày 22/12/2008 cho Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé và Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé có trách nhiệm giao lại cho Công ty Cổ phần Quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư số tiền là 100 tỷ đồng để làm vốn thực hiện dự án BOT Quốc lộ 13 đoạn An Lộc – Hoa Lư”.

Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII ngày 26/11/2016 được đề cập tại Công văn số 521/STC-ĐT ngày 13/03/2018 thì “Việc Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé chuyển 50 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần BOT QL13 An Lộc – Hoa Lư theo chỉ đạo tại Công văn 3468/UBND-KTN của UBND tỉnh là sai nguyên tắc quản lý sử dụng tài sản nhà nước tại Công ty”. Do đó, Công ty sẽ phải thực hiện thu hồi số tiền 50 tỷ đồng mà Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần BOT QL13 An Lộc – Hoa Lư liên quan đến dự án trồng cao su tạo vốn xây dựng đường QL13 đoạn An Lộc – Hoa Lư.

Căn cứ Công văn số 521/STC-ĐT ngày 13/03/2018 của Sở Tài chính tỉnh Bình Phước về việc thực hiện thông báo kết luận số 30/TB-UBND ngày 01/02/2018 kết luận, Công ty Cổ phần Quốc lộ 13 An Lộc Hoa Lư sẽ thực hiện chuyển trả cho Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé số tiền 50 tỷ thông qua hình thức vay vốn từ Ngân hàng thương mại.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- (4) Công ty điều chỉnh số liệu theo Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (chăm sóc cây cao su quỹ an sinh xã hội).

Theo Công văn số 1953/UBND-TH ngày 10/07/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt giá trị đầu tư diện tích trồng cao su tập trung tạo Quỹ an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé sẽ phải thực hiện chi giá trị chi phí quản lý, chăm sóc diện tích cao su tập Quỹ An sinh xã hội tỉnh là 38,8 tỷ đồng.

- (5) Là khoản góp vốn theo Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/PLHĐHTKD-SBĐB ngày 02/10/2019 với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phát triển Đông Bắc về việc thực hiện dự án đầu tư trồng chuỗi ứng dụng công nghệ cao. Dự án có quy mô diện tích là 270ha, hiện tại đã thực hiện triển khai dự án trên 222 ha, còn lại diện tích 47 ha dự kiến sẽ giải phóng mặt bằng và triển khai trong năm 2020. Cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé sử dụng quỹ đất đang quản lý, cơ sở hạ tầng hiện có của Nông trường Nha Bích thuộc sở hữu của Công ty có diện tích 250ha, phối hợp hỗ trợ công tác bảo vệ và lập các thủ tục, hồ sơ pháp lý ... để thực hiện dự án.
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Phát triển Đông Bắc chịu trách nhiệm toàn bộ vốn, kỹ thuật, chất lượng, môi trường, tiêu thụ, ... và các chi phí có liên quan đến lập hồ sơ thủ tục pháp lý để thực hiện dự án.

Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận sau thuế cố định và tăng thêm theo tỷ lệ trên giá trị vốn góp trực tiếp của dự án theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

⚡ Các khoản phải trả:

Bảng 16: Các khoản phải trả

DVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Nợ ngắn hạn	106.874	113.232	108.686
1	Phải trả người bán	1.521	1.327	1.882
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	210	651
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	32.848	11.871	15.348
4	Phải trả người lao động	7.413	18.512	8.538
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	411	1.143	339
6	Phải trả ngắn hạn khác	7.170	15.743	22.274
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.500	8.900	9.000
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	740	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	49.271	55.525	50.654
II	Nợ và vay dài hạn	120.523	105.320	49.294
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	50.000	40.670	-
2	Phải trả người bán	40.200	34.873	20.377
3	Phải trả dài hạn khác	30.323	29.778	28.917
	Tổng cộng	227.397	218.552	157.980

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

❖ Chi tiết các khoản phải trả của Công ty:

Bảng 17: Các khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Phải trả người bán ngắn hạn khác	7.170	15.743	22.274
1	Kinh phí công đoàn	226	210	547
2	Tiền đặt cọc đấu thầu	5.632	11.897	-
3	Thu tiền hợp đồng hợp tác kinh doanh	779	1.594	-
4	Các khoản phải trả khác	532	2.043	21.727
II	Phải trả người bán dài hạn			
	Phải trả dài hạn	40.200	34.873	20.377
1	UBND tỉnh Bình Phước ⁽¹⁾	11.627	11.627	11.627
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Hoàng Minh	104	6.861	1.652
3	Công ty TNHH XDTM TTNT Tiền Hải	6.657	3.550	120
4	Công ty TNHH Ca Sa	1.899	2.520	1.830
5	Các cá nhân và tổ chức khác	19.913	10.314	5.148
	Phải trả dài hạn khác	30.323	29.778	28.917
1	Công ty xây dựng chuyên tiền sửa chữa đường ĐT741 ⁽²⁾	12.599	12.599	12.599
2	Ủy ban tỉnh Bình Phước ⁽³⁾	8.000	8.000	8.000
3	Tỉnh ủy tỉnh Bình Phước ⁽⁴⁾	5.000	5.000	5.000

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

4	Kinh phí sự nghiệp và chi phí QLBV rừng chờ quyết toán	3.319	3.319	12.599
5	Các khoản phải trả khác	1.406	860	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

- (1) Là khoản phải trả liên quan đến dự án mua 903,65 ha cao su bù đắp.
- (2) Theo Công văn số 3354/UBND-KTTH ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc chuyển nguồn thu phí đường bộ dự án BOT đường ĐT 741, Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước tạm chuyển số tiền 33,5 tỷ đồng kèm theo dự án BOT đường ĐT 741 về cho Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đường thuộc dự án BOT đường ĐT741, và Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé có trách nhiệm quản lý, sử dụng số tiền trên đúng mục đích, chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

Theo Công văn số 3066/CT-KTT2 ngày 20/12/2017 của Cục Thuế tỉnh Bình Phước về việc nộp lợi nhuận sau thuế, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé còn tạm giữ của Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước số tiền là 20,9 tỷ đồng và có trách nhiệm nộp số tiền lợi nhuận còn lại trên thay cho Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước.

Do đó, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé hiện còn phải đang quản lý, sử dụng số tiền của Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước là 12,6 tỷ đồng đúng theo mục đích, chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh.

- (3) Là khoản phải trả ngân sách tỉnh Bình Phước do tạm ứng tiền thực hiện dự án trồng cao su tạo quỹ an sinh xã hội theo văn bản số 2912/UBND-KTTH ngày 10/09/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sử dụng nguồn vượt thu ngân sách.
- (4) Theo Biên bản về việc chi Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp và Kiểm soát viên của Công ty cuối năm 2017 ngày 29/12/2017, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé sử dụng Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp và Kiểm soát viên của Công ty cuối năm 2017 để chi ủng hộ kinh phí cho Quỹ an sinh xã hội tỉnh với số tiền là 5 tỷ đồng.

✦ Chi phí trả trước dài hạn

Bảng 18: Khoản chi phí trả trước dài hạn

DVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Tiền thuê đất trả 1 lần ⁽¹⁾	175.126	171.277	169.352
2	Giá trị lợi thế kinh doanh ⁽²⁾	25.481	22.933	21.659
3	Chi phí sửa chữa đường của Nhà máy Nghĩa Trung, máy móc, thiết bị	692	2.661	2.492

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
4	Hoạt động sản xuất khai thác khoáng sản	-	-	52
Tổng cộng		201.299	196.871	193.555

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

- (1) Tiền thuê đất trả một lần thực hiện theo Quyết định 2294/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định 1895/QĐ-UBND ngày 06/09/2014. Tiền thuê đất trả một lần với số tiền 189.845.335.320 có thời gian sử dụng 50 năm.
- (2) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định theo Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

± Đầu tư tài chính:

Bảng 19: Số dư các Khoản đầu tư tài chính

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	70.000	-
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	70.000	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	48.911	3.000	3.000
1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	48.911	-	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	3.000	3.000
Tổng cộng		48.911	73.000	3.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

Bảng 20: Danh sách các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	70.000	-
1	Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin – CN Chơn Thành	-	70.000	-
II	Đầu tư tài chính dài hạn	48.910	3.000	3.000
1	Trái Phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tân Thành	-	3.000	3.000
2	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	48.910	-	-

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
	Tổng cộng	48.910	73.000	3.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

✦ Hàng tồn kho

Bảng 21: Số dư Hàng tồn kho

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
I	Hàng tồn kho	43.067	43.536	86.929
1	Nguyên liệu, vật liệu	-	18	
2	Công cụ, dụng cụ	41	244	412
3	Chi phí SXKD dở dang	-	-	-
4	Thành phẩm	43.026	43.274	86.518
5	Hàng hóa	-	-	-
II	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-
	Tổng cộng	43.067	43.536	86.929

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là thành phẩm tồn kho. Lượng hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm tương đối ổn định. Hàng năm, vụ mùa sản xuất cao su của Công ty bắt đầu từ tháng 4 trở đi, tuy nhiên, do tình hình covid-19 diễn ra khá phức tạp cũng như giá cao su trên thị trường đang giảm đã làm ảnh hưởng đến tốc độ tiêu thụ sản phẩm cao su của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2020 chưa cao. Tại ngày 30/06/2020 lượng thành phẩm tồn kho tăng mạnh, tăng gấp 2 lần so với đầu kỳ. Vào 6 tháng cuối năm 2020, tình hình dịch bệnh đã và đang được kiểm soát, giá cao su thế giới nói chung và trong nước nói riêng đang có diễn biến khả quan hơn, do đó lượng hàng thành phẩm tồn kho đầu năm sẽ được Công ty cải thiện dần vào cuối năm.

10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,59	1,98
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,19	1,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,22	0,21
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,28	0,27
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho bình quân	lần/năm	2,57	6,81

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần/năm	0,15	0,30
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	32,95	10,76
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,92	4,15
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	4,84	3,24
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,16	2,33

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Soruco

11. Tài sản thuộc sở hữu của Công ty

⚡ **Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 và 30/06/2020**

Bảng 23: Giá trị TSCĐ chủ yếu tại ngày 31/12/2019 và 30/06/2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2019			30/06/2020		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	584.207	488.216	83,57%	597.764	480.273	80,34%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	145.079	102.010	70,31%	150.683	97.204	64,51%
2	Máy móc thiết bị	52.658	34.376	65,28%	54.277	32.965	60,73%
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	17.351	6.058	34,91%	17.351	4.974	28,67%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	492	229	46,54%	492	172	34,96%
5	Vườn cây lâu năm	369.627	345.542	93,48%	374.961	344.958	92,00%
II	TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	584.207	488.216	83,57%	597.764	480.273	80,34%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

⚡ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Bảng 24: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

ĐVT: Triệu đồng

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

STT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
1	Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản Bù Đốp	8.365	618	167
2	Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản Lộc Thạnh	19.611	17.321	13.217
3	Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản Nghĩa Trung	2.482	1.843	1.243
4	Vườn cao su kiến thiết cơ bản Nha Bích	12.534	16.059	15.430
5	Nhà máy chế biến mủ Nghĩa Trung	42.918	-	-
6	Xây dựng cơ bản khác	487	1.211	1.448
	Tổng cộng	86.398	37.052	31.505

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 và BCTC 6 tháng năm 2020 do Soruco lập

✦ Danh mục đất đai Công ty đang quản lý

Hiện trạng sử dụng đất: Diện tích đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng theo Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Bảng 25: Danh sách các lô đất Công ty đang quản lý và sử dụng tại thời điểm 31/12/2019

ĐVT: m²

STT	Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Hiện trạng sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất hiện tại	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần
PHẦN I	Diện tích đất ở tỉnh Bình Dương - Tiếp tục sử dụng	72.037,7				
I	Xã Trừ Văn Thố Huyện Bàu Bàng Tỉnh Bình Dương	72.037,7	Đất làm Nhà máy chế biến mù Trừ Văn Thố	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 1920/QĐ-UBND ngày 08/08/2013 của UBND tỉnh Bình Dương - Quyết định thuê đất số 2032/QĐ-UBND ngày 14/07/2011 của UBND tỉnh Bình Dương - Giấy CNQSDĐ số BO 635994 ngày 27/09/2013 - Giấy CNQSDĐ số BH 732037 ngày 13/12/2011 - Giấy CNQSDĐ số BH 732038 ngày 13/12/2011 	Thuê đất trả tiền hàng năm	Đất làm Nhà máy chế biến mù Trừ Văn Thố
PHẦN II	Diện tích đất ở tỉnh Bình Phước	54.483.065,4				
A	Diện tích đất phi nông nghiệp đã cấp GCNQSDĐ đất - Tiếp tục sử dụng	389.258,2				
I	Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành	34.331,0	Văn phòng trung tâm Công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số AC367716 ngày 22/09/2006 	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng trung tâm Công ty

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

2	Xã Minh Thành Huyện Chơn Thành	16.891,0	Văn phòng Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số AC367715 ngày 22/09/2006	Thuế đất trả tiền hàng năm	Văn phòng Nông trường Nha Bích
3	Xã Nghĩa Trung Huyện Bù Đăng	21.928,0	Văn phòng Nông lâm trường Nghĩa Trung	- Quyết định thuê đất số 1098/QĐ-UBND ngày 30/06/1999 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy CNQSDĐ số K709530 ngày 30/06/1999	Thuế đất trả tiền hàng năm	Văn phòng Nông lâm trường Nghĩa Trung
4	Xã Nghĩa Trung Huyện Bù Đăng	283.804,4	Nhà máy chế biến mù Nghĩa Trung	- Quyết định thuê đất số 2635/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước- Giấy CNQSDĐ số B1285397 ngày 27/12/2013	Thuế đất trả tiền hàng năm	Nhà máy chế biến mù Nghĩa Trung
5	Xã Minh Thành Huyện Chơn Thành	608,8	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số AC367713 ngày 22/09/2006	Thuế đất trả tiền hàng năm	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích
6	Xã Minh Thành huyện Chơn Thành	4.136,0	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 1614/QĐ-UBND ngày 22/09/2006 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số AC367714 ngày 22/09/2006	Thuế đất trả tiền hàng năm	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích
7	Xã Minh Lập Huyện Chơn Thành	2.808,0	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuê đất số 771/QĐ-UBND ngày 09/05/2007 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số AH514144 ngày 09/05/2007	Thuế đất trả tiền hàng năm	Khu tập thể công nhân Nông trường Nha Bích
8	Xã Đồng Tâm Huyện Đồng Phú	24.751,0	Đất trồng cây cao su Nông lâm trường Nghĩa Trung	- Quyết định thuê đất số 1695/QĐ-UBND ngày 06/08/2007 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số AH514234 ngày 06/08/2007	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cây cao su Nông lâm trường Nghĩa Trung
B	Diện tích đất nông nghiệp	54.093.807,2				
I	Diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ đất - Tiếp tục sử dụng	19.137.772,3				



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1	Xã Nha Bích, Minh Thảng, Minh Lập Huyện Chơn Thành	7.343.727,3	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 2895/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số E924654 ngày 11/11/1996 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích
2	Xã Minh Lập, huyện Chơn Thành.	2.146.200	Đất trồng Chuối Nông trường Nha Bích	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 2895/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số E924654 ngày 11/11/1996 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng Chuối Nông trường Nha Bích
3	Xã Hưng Phước Huyện Bù Đốp	626.324,5	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 752/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số BN971798 ngày 16/04/2015 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông lâm trường Bù Đốp
4	Xã Phước Thiện Huyện Bù Đốp	927.695,8	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 752/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số BN971799 ngày 16/04/2015 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông lâm trường Bù Đốp
5	Xã Phước Thiện Huyện Bù Đốp	7.718.530	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thuê đất số 752/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND tỉnh Bình Phước - Giấy SNQSDĐ số BN971799 ngày 16/04/2015 	Thuế đất trả tiền một lần	Đất trồng cao su Nông lâm trường Bù Đốp
6	Xã Hưng Phước Huyện Bù Đốp	36.249	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cấp GCNQSD đất số 457/QĐ-STNMT ngày 13/07/2018 của Sở TN và MT. - Giấy SNQSDĐ số CN089226 ngày 13/07/2018 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp
7	Xã Phước Thiện Huyện Bù Đốp	217.138,4	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cấp GCNQSD đất số 457/QĐ-STNMT ngày 13/07/2018 của Sở TN và MT. - Giấy SNQSDĐ số CN089225 ngày 13/07/2018 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp
8	Xã Phước Thiện Huyện Bù Đốp	121.907,3	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định cấp GCNQSD đất số 457/QĐ-STNMT ngày 13/07/2018 của Sở TN và MT. - Giấy SNQSDĐ số CN089227 ngày 13/07/2018 	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Bù Đốp

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

II	Diện tích đất chưa cấp GCNQSD đất - Tiếp tục sử dụng	34.956.034,9	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1742/QĐ-UBND ngày 18/07/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích
1	Xã Tân Thành, Thị Xã Đồng Xoài	30.253,4	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1742/QĐ-UBND ngày 18/07/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích
2	Thị trấn Tân Phú Huyện Đồng Phú	804.096,9	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1742/QĐ-UBND ngày 18/07/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Nha Bích
3	Xã Tiến Hưng Thị Xã Đồng Xoài	418.754,2	Đất rừng trồng Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 2151/QĐ-UBND ngày 30/08/2017 của UBND tỉnh Bình Phước	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất rừng trồng Nông trường Nha Bích
4	Xã Minh Thành Huyện Chơn Thành	233.808,4	Rừng đầu nguồn Nông trường Nha Bích	- Quyết định thuế đất số 1764/QĐ-UBND ngày 27/08/2008 của UBND tỉnh Bình Phước - Đã đo đạc xong	Thuế đất trả tiền hàng năm	Rừng đầu nguồn Nông trường Nha Bích
5	Xã Nha Bích Huyện Chơn Thành	40.000,0	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt ngày 11/01/1996	Thuế đất trả tiền hàng năm	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích
6	Xã Minh Thắng Huyện Chơn Thành	180.467,0	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt ngày 11/01/1996	Thuế đất trả tiền hàng năm	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích
7	Xã Minh Lập Huyện Chơn Thành	115.380,0	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000 đã được UBND tỉnh Sông Bé (cũ) phê duyệt ngày 11/01/1996	Thuế đất trả tiền hàng năm	Diện tích đường lô thuộc vườn cao su Nông trường Nha Bích
8	Xã Lộc Hòa Huyện Lộc Ninh	406.800,0	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành	Trồng mới cao su trên đất lâm nghiệp chuyển đổi Xi nghiệp trắc địa bản đồ 305 đang cầm mốc đo đạc bản đồ	Thuế đất trả tiền hàng năm	Đất trồng cao su Nông trường Lộc Thành

VTH 50.000.00

01.04.2023

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Công ty đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch kinh doanh năm 2020 và 2021 cụ thể như sau:

Bảng 26: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020 ^(*)		Năm 2021 ^(**)	
		Kế hoạch	+/- % so với 2019	Kế hoạch	+/- % so với 2020
Vốn điều lệ (triệu đồng)	813.962	813.962	-		
Doanh thu thuần (triệu đồng)	313.875	308.000	-1,87%		
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	42.696	40.000	-6,31%		
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	38.787	32.000	-17,50%		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	12,36%	10,39%	-		
Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)	4,77%	3,93%	-		
Cổ tức (%)	1,28%	-	-		

Nguồn: Soruco

Ghi chú:

- (*): Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/NQ-CSSB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.
- (**): Hiện Công ty chưa xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021.

12.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

✦ Về lĩnh vực sử dụng đất đai và kỹ thuật nông nghiệp:

- Tăng cường công tác quản lý, tổ chức sản xuất và tiếp tục thực hiện các giải pháp linh hoạt cho từng vùng trong công tác quản lý kỹ thuật nông nghiệp từ vườn cây (khai tác, kiến thiết cơ bản, tái canh) đến công tác quản lý chuyên ngành (giống, phân bón, bảo vệ thực vật,...) nhằm thích nghi và ứng phó với các khó khăn trong sản xuất nông nghiệp;
- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất đai đã được thuê, triển khai chặt chẽ thủ tục các dự án đầu tư, chăm sóc tốt các vườn cây đã trồng mới ở trong và ngoài nước; thực hiện luân canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng với những diện tích cao su hiệu quả thấp, đặc biệt cây trồng đủ điều kiện ứng dụng nông nghiệp nghệ cao;
- Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác quản lý đầu tư theo trọng tâm, trên quan điểm đầu tư phù hợp với tiềm năng, năng suất của từng vùng sinh thái;

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Đào tạo và tuyển dụng lao động đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất của các đơn vị trong toàn công ty. Nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động, phấn đấu tỷ lệ công nhân đạt tay nghề kỹ thuật loại A, B trên 97.%;
 - Cải tiến việc quản lý đất đai, phân bón, công tác bảo vệ thực vật, quản lý phòng trị bệnh hại; khai thác tích cực, đúng kỹ thuật để giới hạn tác động của bệnh hại cả ảnh hưởng của việc biến đổi khí hậu; tăng cường công tác tập huấn kỹ thuật theo từng chuyên đề cụ thể; tổ chức các hội nghị giao ban nông nghiệp, hội nghị đầu bờ đi đầu vào đúng thực chất hiệu quả;
 - Về phân bón; tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý thích nghi để bảo đảm hiệu quả sản xuất, nhất là đảm bảo giá thành đối với sản phẩm khai thác; chủ động điều tiết và rà soát các diện tích cần bón và không bón theo hướng dẫn của Công ty;
 - Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa đường lô, đường nội bộ (Tập trung cho các tuyến đường phục vụ công nhân và xe vận chuyển mù) theo nhu cầu thực tế, phục vụ sản xuất kinh doanh tại các nông trường;
 - Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống ISO 9001 : 2015 và hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 : 2017 đối với sản phẩm mù SVR 3L.
- ✦ Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, khai thác, mở thêm thị trường mới, đặc biệt là tăng cường tỷ lệ bán cho các đơn vị trực tiếp sản xuất cả trong và ngoài nước. Tăng cường công tác thu mua để tăng doanh thu và đảm bảo tiền lương công nhân, chủ động tìm kiếm thị trường, hợp tác, học hỏi các công ty lớn và tuân thủ các hướng dẫn của Công ty trong công tác tiêu thụ, quản lý chất lượng.
- ✦ Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị ngay ở bước lập kế hoạch đầu năm để hạ giá thành, bảo đảm hiệu quả trong điều kiện giá cao su thấp như hiện nay.
- ✦ Tăng cường thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo chủ trương của Đảng và Nhà nước nhằm đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.
- ✦ Trong 6 tháng đầu năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid lên toàn bộ nền kinh tế, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành cao su nói chung và Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé nói riêng đều có phần sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu 6 tháng năm 2020 Công ty chỉ đạt 64 tỷ đồng, giảm khoảng 20% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 1,4 tỷ đồng, giảm 88,45% so với cùng kỳ năm trước. Theo kế hoạch đặt ra, doanh thu thuần năm 2020 là 308 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 32 tỷ đồng. Như vậy, Công ty mới thực hiện được 21% kế hoạch doanh thu năm và đạt được 4,38% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tuy nhiên, theo tính chất đặc thù của ngành nghề cao su, thời vụ thu hoạch mũ cao su sẽ diễn ra bắt đầu từ cuối tháng 4 trở đi để đưa vào sản xuất thành phẩm và bán tiêu thụ ra ngoài thị trường. Vì vậy, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ được thể hiện rõ qua doanh thu đạt được trong những tháng cuối năm. Bên cạnh đó, kể từ cuối năm 2019, Công ty đã tích cực đầu tư và mở rộng quy mô và lĩnh vực sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng nguồn thu cho Công ty trong tương lai thông qua việc đưa vào hoạt động Nhà máy Nghiã Trung cũng như việc đầu tư thực hiện dự án trồng chuỗi ứng dụng công nghệ cao. Do đó, khả năng kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020 của Công ty là có thể thực hiện được.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện được của công ty đại chúng
Không có.

14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trong giai đoạn 2020 – 2025 phấn đấu thực hiện đạt một số chỉ tiêu cơ bản cho toàn Công ty như sau:

- Diện tích vườn cây cao su: 4.247,12ha (Trong đó: vườn cây cao su kinh doanh 3.690,25ha, vườn cây cao su kiến thiết cơ bản 556,87ha). Hàng năm phấn đấu đưa vào khai thác 100,00ha từ vườn cây cao su kiến thiết cơ bản.

- Diện tích vườn cây cao su thanh lý để trồng tái canh: 104,77ha tại Nông trường Nha Bích.

- Diện tích khác: 908ha chủ yếu là thực hiện các dự án: Trồng chuối cây mô, Năng lượng mặt trời, Sân Goff, Khu dịch vụ, Trồng cây keo lai và bung bầu, suối...

- Sản lượng mù cao su Công ty khai thác: 34.220 tấn.

- Sản lượng mù cao su Công ty thu mua tiểu điền: 19.780 tấn.

- Sản lượng mù cao su Công ty chế biến: 54.000 tấn.

- Hàng năm thực hiện xây dựng, sửa chữa (theo nhu cầu thực tế): nhà tập thể công nhân, nhà xưởng chế biến mù, nhà văn phòng làm việc, nhà chốt bảo vệ, trụ sở các đơn vị, đường lô cao su, cầu, cống thoát nước và các công trình thiết yếu khác.

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Đông Bắc để trồng chuối cây mô tại Nông trường Nha Bích với tổng diện tích 300ha.

- Tìm kiếm nhà đầu tư để hợp đồng hợp tác kinh doanh trên diện tích đất Công ty thuê 21,00ha trong Khu công nghiệp Becamex Bình Phước.

- Triển khai các thủ tục để thực hiện khai thác đá tại Nông trường Bù Đốp và Nông trường Lộc Thạnh.

- Triển khai các thủ tục để xây dựng trại chăn nuôi heo tại Nông trường Nghĩa Trung, Nông trường Bù Đốp và tìm kiếm nhà đầu tư để hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Thực hiện tốt chính sách môi trường, thường xuyên theo dõi giám sát chất lượng nước thải tại Nhà máy chế biến mù Nghĩa Trung, Nhà máy chế biến mù Tham Rót đảm bảo các chỉ tiêu về vệ sinh môi trường theo quy định của nhà nước.

- Hàng năm tiến hành kiểm tra, thăm khám sức khỏe định kỳ cho người lao động và Tổ chức các lớp An toàn vệ sinh lao động nhằm nâng cao ý thức cho người lao động khi tham gia lao động, sản xuất tại Công ty.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Tiếp tục vận động người lao động, đoàn viên công đoàn ủng hộ quỹ “Vi người nghèo”, quỹ “Mái ấm công đoàn”, quỹ “Phòng chống thiên tai”, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT****Bảng 27: Danh sách HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, BKS**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
A. Hội đồng quản trị			
1	Thái Công Cần	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
2	Nguyễn Đông Dẫn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Huỳnh Quang Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Thành viên điều hành
4	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thành viên	Thành viên không điều hành
B. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
1	Nguyễn Đông Dẫn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
2	Thái Công Cần	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
3	Huỳnh Quang Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	
C. Ban kiểm soát			
1	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên	

A - Hội đồng quản trị**1. Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên : **Thái Công Cần**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/09/1967
- Nơi sinh : Mai Lĩnh – Quảng Trị
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 285459827
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : Thị trấn Chơn Thành – Chơn Thành – Bình

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

	Phước
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Cử nhân chuyên ngành Kinh tế kế hoạch, Đại học Bách khoa Đà Nẵng
- Quá trình công tác	:
Từ 08/1993 - 03/1994	: Nhân viên – Trường Đại học Dân lập Duy Tân
Từ 04/1994 – 02/2000	: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kỹ thuật – Công ty Xây lắp Công nghiệp và Dân dụng Đà Nẵng
Từ 03/2000 – 12/2001	: Phó Phòng Kế hoạch Kỹ thuật – Công ty Xây lắp Công nghiệp và Dân dụng Đà Nẵng
Từ 01/2002 – 06/2005	: Nhân viên Phòng Kế Hoạch đầu tư – Công ty Cao su Sông Bé
Từ 07/2005 – 01/2008	: Phó phòng Phòng Kế Hoạch đầu tư – Công ty Cao su Sông Bé
Từ 02/2008 – 05/2008	: Quyền Trưởng phòng Phòng Kế Hoạch đầu tư – Công ty Cao su Sông Bé
Từ 05/2008 – 06/2010	: Trưởng phòng Phòng Kế Hoạch kinh doanh – Công ty Cao su Sông Bé
Từ 07/2010 – 07/2014	: Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Kinh doanh – Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
Từ 08/2014 – 26/12/2018	: Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé
Từ 26/12/2018 đến 29/01/2020	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
Từ 30/01/2020 đến nay	: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký	: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/05/2020 : 51.625.077 cổ phần (tương ứng chiếm 63,42% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu : 17.325 cổ phần (tương ứng chiếm 0,021% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho phần vốn của UBND Tỉnh Bình Phước : 51.507.752 cổ phần (tương ứng chiếm 63,28% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu của phần góp vốn của Công Đoàn Công ty : 100.000 cổ phần (tương ứng chiếm 0,12% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

2. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **Nguyễn Đông Dân**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/11/1964
- Nơi sinh : Hớn Quản – Bình Phước
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 285361731
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : Tân Lợi – Hớn Quản – Bình Phước
- Trình độ văn hóa : 12/12

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán, Đại học Tài chính - Kế toán.
- Quá trình công tác :
- Từ 01/1989 – 02/1996 : Kế toán – NT Quản Lợi – Công ty Cao su Bình Long
- Từ 03/1996 – 06/1997 : Kế toán trưởng – Khu văn hóa thác số 4 – Công ty Cao su Bình Long
- Từ 07/1997 – 09/2002 : Kế toán - Công ty Cao su Bình Long
- Từ 10/2002 – 06/2003 : Kế toán - Công ty Cao su Sông Bé
- Từ 07/2003 – 03/2008 : Phó phòng Kế toán - Công ty Cao su Sông Bé
- Từ 04/2008 – 04/2013 : Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước
- Từ 05/2013 – 11/2014 : Phó Giám đốc - Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước
- Từ 12/2014 – 26/12/2018 : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
- Từ 27/12/2018 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/05/2020 : 27.790.844 cổ phần (tương ứng chiếm 3,41% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu : 55.900 cổ phần (tương ứng chiếm 0,069% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho phần vốn của UBND Tỉnh Bình : 27.734.944 cổ phần (tương ứng chiếm 34,07% vốn

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Phước (điều lệ)

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của : 0,0039% vốn điều lệ những người có liên quan

Họ và tên	Số cổ phần	Quan hệ
Nguyễn Thị Thắm	3.167	Vợ
Tổng cộng	3.167	

3. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Huỳnh Quang Vĩnh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/08/1972
- Nơi sinh : Phú Lộc – Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 285135767
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : Tân Xuân – Đồng Xoài – Bình Phước
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Quá trình công tác :
 - Từ 01/1997 – 09/1999 : Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp – Cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp Sông Bé tỉnh Bình Dương
 - Từ 10/1999 – 12/2002 : Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Phước
 - Từ 01/2003 – 08/2008 : Phó trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Phước
 - Từ 09/2008 – 06/2010 : Phó trưởng phòng Kế toán Thống kê – Công

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

ty Cao su Sông Bé

- Từ 07/2010 – 26/12/2018 : Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé
- Từ 27/12/2018 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần cao su Sông Bé
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần cao su Sông Bé
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các Tổ chức đăng ký : Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký : Không
 - Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/05/2020 : 22.075 cổ phần (tương ứng chiếm 0,027% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần sở hữu : 22.075 cổ phần (tương ứng chiếm 0,027% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **Nguyễn Thị Mỹ Phước**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 02/09/1975
- Nơi sinh : Bình Long – Bình Phước
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 285476520
- Dân tộc : Kinh

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Quê quán : Bình Phước
- Địa chỉ thường trú : P. Phú Thịnh – Bình Long – Bình Phước
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Mở TP.HCM.
- Quá trình công tác :
 - Từ 10/2001 – 02/2004 : Kế toán – Nhà máy chế biến Công ty Cao su Sông Bé
 - Từ 02/2004 – 06/2010 : Kế toán – Nông trường Minh Thành - Công ty Cao su Sông Bé
 - Từ 07/2010 – 07/2011 : Kế toán – Nông trường Minh Thành - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 07/2011 – 03/2014 : Phó Giám đốc Nông trường Minh Thành Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 04/2014 – 26/12/2018 : Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 27/12/2018 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/05/2020 : 14.675 cổ phần (tương ứng chiếm 0,018% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu : 14.675 cổ phần (tương ứng chiếm 0,018% vốn điều lệ)

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

B - Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tổng Giám đốc:

- Họ và tên : Nguyễn Đông Dân

Lý lịch đã được trình bày ở mục A.2

2. Phó Tổng Giám đốc:

- Họ và tên : Thái Công Cảnh

Lý lịch đã được trình bày ở mục A.1

3. Kế toán trưởng

- Họ và tên : Huỳnh Quang Vĩnh

Lý lịch đã được trình bày ở mục A.3

C - Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : Trần Thị Ngọc Liên
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/07/1975
- Nơi sinh : Chợ Thành – Bình Phước
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 285105313
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : Trung Lợi – Chợ Thành – Bình Phước
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán,

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Đại học Kinh tế TP.HCM, đã hoàn thành kỳ thi Chứng chỉ hành nghề kế toán năm 2019

- Quá trình công tác :
 - Từ 01/2003 – 09/2005 : Nhân viên – Công ty liên doanh Meekwang Việt Nam
 - Từ 09/2005 – 06/2010 : Nhân viên Phòng Kế toán Thống kê, Công ty Cao su Sông Bé
 - Từ 07/2010 - 12/2012 : Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 01/2013 – 19/12/2018 : Phó Trưởng Phòng Kế toán Tài chính – Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 20/12/2018 – 26/12/2018 : Phó Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 27/12/2018 đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/05/2020 : 6.292 cổ phần (tương ứng chiếm 0,008% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu : 6.292 cổ phần (tương ứng chiếm 0,008% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

2. Thành viên Ban kiểm soát

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Họ và tên : **Nguyễn Thị Cẩm Vân**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/04/1984
- Nơi sinh : Chơn Thành – Bình Phước
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 285038125
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Phước
- Địa chỉ thường trú : Trung Lợi – Chơn Thành – Bình Phước
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán, Đại học Bình Dương.
- Quá trình công tác :
 - Từ 07-12/2009 : Nhân viên Phòng kế hoạch Kinh doanh – Công ty Cao su Sông Bé
 - Từ 12/2009 – 06/2010 : Nhân viên Nông trường Minh Thành - Công ty Cao su Sông Bé
 - Từ 07/2010 – 06/2011 : Nhân viên Nông trường Minh Thành - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 07/2011 – 06/2013 : Kế toán Nông trường Minh Thành - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 07/2013 – 05/2016 : Trợ lý kế toán Nông trường Minh Thành - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 06/2016 – 26/12/2018 : Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé
 - Từ 27/12/2018 - Nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức đăng ký : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký : Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/05/2020 : 8.825 cổ phần (tương ứng chiếm 0,011.% vốn điều lệ)
- Số cổ phần sở hữu : 8.825 cổ phần (tương ứng chiếm 0,011.% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

D - Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Ngày 26/12/2018, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất năm 2018 được tổ chức và đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

Để đạt được mục tiêu hoạt động kinh doanh đề ra Hội đồng quản trị Công ty đang nhanh chóng triển khai các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất năm 2018 giao. Cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý như Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị Công ty,... nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy Công ty để tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị;
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn Công ty;
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý;
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho Cán bộ công nhân viên. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để Cán bộ công nhân viên phát huy sáng tạo trong công việc.
- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.
- Đối với hoạt động công bố thông tin sau khi trở thành công ty đại chúng, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

- Hiện nay, Công ty khuyết một (01) Thành viên Ban Kiểm soát và một (01) Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty đang chuẩn bị tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung theo quy định. Công ty cam kết sẽ kiện toàn để đảm bảo cơ cấu Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị với tỷ lệ đảm bảo tối thiểu là 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và cơ cấu số lượng thành viên của Ban Kiểm soát trong Đại hội đồng cổ đông bất thường gần nhất của Công ty theo đúng quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ của Công ty cổ phần.

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

III. PHỤ LỤC

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.
- Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020 do Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé tự lập.
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Trân trọng cảm ơn./.

Chơn Thành, ngày 16 tháng 10 năm 2020

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

